

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vinh Phúc, ngày tháng 5 năm 2021

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY
(Từ ngày 28/04 đến ngày 4/5/2021)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tuần trời nắng, có mưa rào nhẹ. Lượng mưa đo được tại Vĩnh Yên 8 mm (thấp hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 28⁰C (tương đương CKNT), cao nhất 34⁰C, thấp nhất 23⁰C.

Âm độ trung bình 75 - 84% (cao hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 40 - 45 giờ (thấp hơn CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân 2020 - 2021:

- Lúa xuân: Diện tích lúa gieo, cấy: 29.676,4 ha (đòng già - trổ - chắc xanh - chín hoàn toàn). Trong đó diện tích lúa đã trổ: 27.400 ha.

- Ngô: 2.061,9 ha (trổ cò - thu hoạch);

- Đậu tương: 57,2 ha (quả non - chắc hạt);

- Lạc: 1.538 ha (củ);

- Khoai lang: 293,2 ha (củ)

- Rau các loại: 2.795,5 ha (các giai đoạn);

- Cây trồng khác: 1.984,5 ha (các giai đoạn).

Thời tiết trong tuần nắng, có mưa rào nhẹ. Cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Một số đối tượng sinh vật gây hại ở mức độ nhẹ - trung bình, nặng cục bộ.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA

Trưởng thành vào bầy đên (con/đèn/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,4 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Sông Lô); Sâu đục thân cú mèo 0,08 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 1 con (Tam Đảo, Vĩnh Tường); Rầy nâu 3,4 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 15 con (Lập Thạch); Rầy lưng trắng 0,6 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 6 con (Sông Lô); Rầy xanh đuôi đen 0,4 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Sông Lô); Sâu cuốn lá nhỏ 0,6 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 4 con (Phúc Yên, Bình Xuyên).

1. Trên lúa

- Trên lúa Xuân sớm

+ Sâu đục thân 2 chấm (tuổi 2, 3) gây hại cục bộ, tỷ lệ bông bạc phổ biến 0,2 - 0,4 %, cao 0,7 - 1%, cục bộ 5% (Lập Thạch).

+ Sâu cuốn lá nhỏ (tuổi 5 và trưởng thành) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 1 - 2 con/m², cao 2 - 3 con/m² (Sông Lô).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (tuổi 1, 2 và trưởng thành) gây hại cục bộ, mật độ phổ biến 70 - 80 con/m², cao 350 - 450 con/m², cục bộ 750 - 1.500 con/m² (Yên Lạc, Lập Thạch).

+ Bệnh đạo cổ bông gây hại cục bộ với tỷ lệ bông hại phổ biến 0,3 - 0,5%, nơi cao 2 - 3% (Bình Xuyên, Yên Lạc)

+ Bệnh bạc lá gây hại cục bộ với tỷ lệ lá hại phổ biến 0,9 - 1,2%, nơi cao 10 - 15%, cục bộ 30 - 50% (Bình Xuyên).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng với tỷ lệ cây hại phổ biến 3 - 5%, nơi cao 30 - 40% (Sông Lô, Bình Xuyên, Yên Lạc,...).

+ Chuột gây hại rải rác với tỷ lệ bông hại phổ biến 1,4 - 1,5%, cao 5 - 10%, cục bộ 10% (Bình Xuyên).

- Trên lúa Xuân muộn

+ Sâu đục thân 2 chấm (tuổi 2, 3) gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại, bông bạc phổ biến 0,2 - 0,3%, cao 1 - 1,5%, cục bộ 5% (Lập Thạch).

+ Sâu cuốn lá nhỏ (tuổi 5 và trưởng thành) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,8 - 1 con/m², cao 3 - 4 con/m² (Sông Lô, Bình Xuyên).

+ Rầy (tuổi 1, 2) gây hại cục bộ, mật độ phổ biến 35 - 40 con/m², cao 70 - 100 con/m², cục bộ 300 - 400 con/m² (Phúc Yên).

+ Bệnh đạo cổ bông gây hại rải rác với tỷ lệ lá hại phổ biến 0,2 - 0,4%, nơi cao 5 - 6%, cục bộ trên 10% (Phúc Yên, Lập Thạch...).

+ Bệnh bạc lá gây hại rải rác với tỷ lệ bông hại phổ biến 1 - 1,5%, nơi cao 10 - 15%, cục bộ 50% (Bình Xuyên).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng với tỷ lệ cây hại phổ biến 5 - 7%, nơi cao 50 - 60% (Phúc Yên, Bình Xuyên, Vĩnh Yên).

+ Chuột gây hại với tỷ lệ bông hại phổ biến 0,8 - 1%, cao 2 - 3%, cục bộ 17% (Bình Xuyên).

Ngoài ra sâu đục thân cú mèo hại cục bộ.

2. Cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu gây hại nhẹ, mật độ phổ biến 0,1 - 0,3 con/m², cao 1 - 2 con/m² (Vĩnh Tường, Sông Lô).

- Trên cây rau su su: Bệnh sương mai hại nhẹ, tỷ lệ lá hại phổ biến 0,1 - 0,3%, nơi cao 5 - 7% (Tam Đảo).

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy gây hại nhẹ (Phúc Yên, Vĩnh Yên).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại nhẹ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại nhẹ.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 5/5 - 11/5/2021

1. Cây lúa

- Trên lúa Xuân sớm: Sâu đục thân, bệnh khô vằn gây hại rải rác. Rầy (các huyện: Sông Lô, Lập Thạch, Yên Lạc) gây hại nhẹ - trung bình tại các ổ cũ; bệnh đạo ôn cổ bông gây hại cục bộ (Bình Xuyên) cần theo dõi để phòng chống kịp thời đạt hiệu quả.

- Trên lúa Xuân muộn: Sâu đục thân, chuột, rầy, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh khô vằn... hại rải rác. Chú ý bệnh đạo ôn cổ bông gây hại mạnh trong điều trời âm u, mưa phùn, ẩm độ cao. Bệnh bạc lá phát triển gây hại mạnh trong điều kiện mưa kèm theo gió mạnh, cần theo dõi và có biện pháp phòng chống kịp thời.

2. Cây ngô

Sâu keo mùa thu phát sinh gây hại nhẹ, chú ý theo dõi để chỉ đạo phòng chống kịp thời.

3. Cây rau

- Trên rau thập tự: Các đối tượng sâu bệnh gây hại nhẹ.

- Trên cây su su: Bệnh sương mai gây hại nhẹ.

4. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Sâu bệnh gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Đề nghị

- Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; thường xuyên thăm đồng, kiểm tra, phát hiện sớm các đối tượng sinh vật gây hại. Phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT (phòng Kinh tế) chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn phòng chống sinh vật gây hại kịp thời an toàn, hiệu quả (rầy, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, chuột,...). Hướng dẫn nông dân thực hiện sản xuất rau theo tiêu chuẩn Viet GAP, GlobalGAP (cây rau).

- Đề nghị các xã, phường, thị trấn đơn đốc, hướng dẫn nông dân phòng chống các đối tượng sinh vật gây hại kịp thời, đặc biệt là bệnh đạo ôn cổ bông gây hại không để bệnh lây lan ra diện rộng.

2. Biện pháp quản lý

- Trên lúa Xuân

+ Bệnh đạo ôn, khi tỷ lệ bệnh từ 2,5% bông hại dùng thuốc đặc hiệu như: Bankan 600WP, Amistar Top 325 SC, Fuji-one 40EC, Folia 525SE, ... Những ổ bệnh nặng trên 5% bông hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

+ Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn cần phun ngay bằng các loại thuốc: Totan 200WP, Ychatot 900SP, Avalon 8WP, Kasumin 2SL, Starner 20WP... Những ruộng bệnh nặng trên 40% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

+ Bệnh khô vằn, khi có 10% danh hại dùng: Tiltsuper 300EC, Vali 5SL, Chevin 40WG, Anvil 5SC, Jिंगgang meisu 5SL, Validacin 5SL ...

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng gây hại, khi mật độ trên 750 con/m² : Dùng thuốc Chim Ưng 20WG, Virtako 40WG, Sutin 5EC... Thời kỳ chắc xanh khi mật độ trên 3.000 con/m²; cần rẽ băng rộng từ 0,8 - 1 m, dùng thuốc Bassa 50EC, Nibas 50EC, Vibasa 50EC, Jetan 50EC... Nếu mật độ cao trên một vạn con/m² cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu dùng thuốc: Bitadin WP, Angun 5WG, Emaben 3,6WG, Proclaim[®] 5WG, Lufen extra 100EC,...

Lưu ý: Khi phun cần tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và đảm bảo thời gian cách ly trước khi thu hoạch.

- Tiếp tục diệt chuột tập trung ở những diện tích bị chuột gây hại. Sử dụng các biện pháp thủ công, dùng bẫy lồng, bẫy sập, bả chuột ít độc hại để diệt chuột bảo đảm an toàn cho sản xuất và đời sống.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 28/4 - 4/5/2021), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Anh Tuấn

BẢNG THỐNG KÊ
DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG
(Từ ngày 28/04/2021 đến ngày 04/5/2021)

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Lúa xuân sớm	chắc xanh - chín hoàn toàn	Rầy	Con/m ²	1125			11	11				-94,7	30	Cục bộ
		Chuột	%BH	3,8	7,5		20	15	5			-	-	Rải rác
		Sâu đục thân 2 chấm	%BB	5			30	30				-	50	Cục bộ
		Bệnh bạc lá	%LH	13,3	30	50	5,4	3,4	1,5	0,5		-7,8	3	Cục bộ
		Bệnh đạo cổ bông	%BH	2,5			0,1	0,1				-2,59	-	Cục bộ
		Bệnh khô vằn	%DH	12,4	30		100	80	20			-67	-	Rộng
Lúa xuân muộn	Đòng già - trổ - chín đỏ đuôi	Chuột	%BH	3,1	7,5	16,6	91	66	20	5		-9	54	Rải rác
		Sâu đục thân 2 chấm	%BB	3,5			33,5	33,5				-	54	Rải rác
		Bệnh khô vằn	%DH	12,2	26,6	47,5	1588	1110	445	33		-182	1065	Rộng
		Bệnh bạc lá	%LH	12,2	30	50	14,6	9,6	2	3		-145,4	14,5	Rải rác
		Bệnh đạo cổ bông	%BH	2,9	5,6		19,52	17,82	1,7			+18,62	320	Rải rác
Ngô	Trổ cờ - thu hoạch	Sâu keo mùa thu	Con/m ²	2			3	3				-	-	Cục bộ
Su su	Thu hoạch	Bệnh sương mai	%CH	6,7			2	2				-	1	Cục bộ
Tổng DT nhiễm SB							1918,12	1381,42	495,2	41,5			1591,5	

Ghi chú:GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: KS.Trần Thị Đoàn Trang.